TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** TỈNH QUẢNG NINH -:-	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------* * *----------

Bản án số: 28/2018/DSST
Ngày: 11 /04/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Quang Vinh

Hội thẩm nhân dân: ông Trần Xuân Giới và Nguyễn Xuân Lập

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Hải Ninh - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố H.

- Đại diện VKSND TP H: bà Trần Thị Kim Anh - kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 835/2017/TLST- HNGĐ ngày 18/12/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày: 14/03/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Lê Thị M** - sinh ngày: 17/10/1983;

Nơi ĐKNKTT: Thôn Khả Tiến, xã D, huyện L, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: Tổ 1b, khu 9, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh - có mặt.

- Bị đơn: anh **Đỗ Tiến N** - sinh ngày: 05/8/1982

Nơi ĐKNKTT: Thôn Khả Tiến, xã D, huyện L, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: Tổ 1b, khu 9, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nội dung vụ án theo như nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:**

- Về tình cảm: Chị M và anh Đỗ Tiến N kết hôn năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến ngày ngày 24/6/2013 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện L, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng kết hôn tự nguyện có thời gian tìm hiểu nhau là 02 năm.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh N có quan hệ với người phụ nữ khác bán thịt lợn tại chợ Cột 5 cũ tên là V, từ đó vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau. Cũng vì lý do cặp bồ nên anh N không cho chị M đi làm công việc chị vẫn làm là nấu ăn cho thợ xây công trình của anh N nữa. Anh N không tôn trọng chị M, coi chị như một osin không công trong nhà. Anh N không cho chị đi làm, bắt phải ở nhà nhưng khi chị M ở nhà thì anh N luôn chửi bới là ăn bám, mọi chi tiêu trong gia đình do anh N quản lý, bản thân chị M là vợ nhưng không có tiếng nói gì, muốn mua bán gì cũng phải ngửa tay xin chồng và bị chửi rủa là không bằng con chó.

Khổ cực quá chị M phải đi làm thì anh N phá công việc làm của chị, phá quán bán hàng của chị. Khi chị đi làm thuê cho người khác thì anh N đến gây sự chửi nhau với người thuê chị làm, đánh nhau với người cho thuê nhà. Trong cuộc sống anh N không cho chị M quan hệ với ai, chị có nói chuyện với ai dù là già hay trẻ thì anh N đều không vừa lòng và về nhà chửi chị là quan hệ bất chính. Anh N từng nói với chị là phải làm ô sin chăm con đến khi con đủ 18 tuổi thì anh N mới đồng ý ly hôn và chị phải ra đi tay trắng. Anh N là người đàn ông coi thường vợ, là người đàn ông gia trưởng nhưng luôn tự nhận mình tốt đẹp. Chị M tự nhận thấy không thể chung sống với những đức tính "tốt đẹp" đó của chồng, tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Anh T1, sinh ngày 11/5/2004 và cháu Đỗ Tiến T2 - sinh ngày 02/6/2008, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung không cần bị đơn phải cấp dưỡng

- Về tài sản chung: Vợ chồng không nợ chung ai, tài sản chung vợ chồng tự phân chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Nội dung vụ án theo bị đơn anh Đỗ Tiến N trình bày**:

- Về tình cảm: Anh N và chị Lê Thị M kết hôn năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến ngày ngày 24/6/2013 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện L, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng kết hôn tự nguyện có thời gian tìm hiểu nhau là 03 năm.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị M không quan tâm gia đình. Chị M thường xuyên lấy cớ đi làm sớm từ 04 giờ sáng. Anh không cho vợ quản lý kinh tế, mọi chi tiêu mua bán trong gia đình đều là do anh trực tiếp thực hiện vì anh không tin tưởng chị M, trước đây khi chị M đi nấu ăn cho công trình mà anh N làm chủ thầu thì chị đã bớt xén tiền và lấy tiền đưa các con bỏ về nhà bố mẹ đẻ trong Đắc Lắc để anh N phải đi tìm về. Việc anh đi phá công việc của chị M vì anh không muốn vợ đi làm ảnh hưởng thời gian chăm lo gia đình và do có lần anh N đến chỗ vợ làm để tìm về nhà thì chị M đã chửi anh và xui người đánh anh. Anh N tự nhận thấy bản thân là người chồng tốt, quan tâm và hết lòng vì gia đình, mâu thuẫn của vợ chồng chưa trầm trọng nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Anh T1, sinh ngày 11/5/2004 và cháu Đỗ Tiến T2 - sinh ngày 02/6/2008, anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung không cần nguyên đơn phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không nợ chung ai, tài sản chung vợ chồng tự phân chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Các con chung là Đỗ Thị Anh T1 và Đỗ Tiến T2 đều có chung quan điểm muốn được tiếp tục chung sống cùng mẹ vì từ trước đến nay chỉ có mẹ là người quan tâm chăm sóc còn bố luôn chửi mắng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm trình bày của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng**: Đây là tranh chấp ly hôn giữa hai đương sự cư trú trên địa bàn TP H, vì vậy Tòa án TP H thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Phía bị đơn là anh Đỗ Tiến N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên việc tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn anh Đỗ Tiến N là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:** Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên quan điểm đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận định:

Hôn nhân giữa chị Lê Thị M và anh Đỗ Tiến N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong cuộc sống chung vợ chồng các đương sự đều thừa nhận có mâu thuẫn, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Chị M không tin tưởng vào lòng chung thủy của anh N, cho rằng anh N ngoại tình, về nhà không còn tôn trọng vợ. Anh N thì không tin tưởng vào sự trung thực của chị M, cho rằng chị M đã bớt xén tiền của vợ chồng để chi tiêu riêng.

Việc anh N không tôn trọng chị M, có những hành động chửi bới và đánh đập chị M và có các hành động quá đáng khác nhằm ngăn cản công việc làm ăn của vợ đã được chứng minh bằng lời khai của các người làm chứng là: bà Bùi Thị S, ông Đặng Sơn P, bà An Thị Q và bà Nguyễn Thị R sinh sống tại tổ 12, khu 2, phường B, TP H nơi chị M thuê địa điểm kinh doanh.

Sự việc như anh N trình bày thời gian trước đây chị M đã từng mang các con bỏ về nhà bố mẹ đẻ trong tỉnh Đắc Lắc cũng thể hiện việc vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng từ lâu.

Nền móng của mối quan hệ hôn nhận vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, tin tưởng lẫn nhau và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc hôn nhân giữa chị M và anh N đã không còn sự tin tưởng lẫn nhau của hai vợ chồng nữa, anh N cũng không còn tôn trọng chị M, đánh đập, chửi bới chị M. Đối với chị M trong khía cạnh nào đó cũng không còn tôn trọng anh N thể hiện ở sự việc như anh N đã trình bày là chị M chửi anh và xui người đánh anh. Tình cảm vợ chồng cũng không còn khi chị M tại phiên tòa hôm nay cam đoan không còn yêu thương gì anh N nữa và kiên quyết xin được ly hôn.

Anh N mặc dù cho rằng còn tình cảm với vợ nhưng và không đồng ý ly hôn nhưng khi tòa án hòa giải và trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án đã không có được biện pháp và hành vi đúng mực để cứu vãn hạnh phúc gia đình. Khi vụ án được đưa ra xét xử thì bị đơn N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có ly do, điều đó thể hiện sự coi th- ờng pháp luật, bị đơn vắng

mặt cũng có nghĩa là đã tự từ bỏ quyền đ- ợc bác bỏ một phần hay toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Nay trước sự kiên quyết xin được ly hôn của chị M và nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị M là trầm trọng, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng và thương yêu nhau nữa nên xét chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Anh T1, sinh ngày 11/5/2004 và cháu Đỗ Tiến T2 - sinh ngày 02/6/2008. Hai vợ chồng đều có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung không yêu cầu cấp dưỡng. Hai con chung đều chưa đến tuổi thành niên nhưng đều trên 07 tuổi và đều có quan điểm được sống cùng chị M. Các cháu khi được tòa án lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay đều kiên quyết xin được tiếp tục chung sống với nhau và được sống cùng với mẹ vì lý do từ nhỏ đến lớn các cháu đều được mẹ chăm sóc, dạy dỗ. Bố chỉ cho tiền học còn không dạy dỗ và còn thường xuyên chửi bới các cháu.

Mặc dù cả anh N và chị M đều có điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng các con chung. Nhưng trước yêu cầu kiên quyết của các con chung muốn được tiếp tục chung sống cùng nhau và cùng với mẹ, xét nếu tách các cháu ra để mỗi cháu sống một nơi không cùng nhau sẽ là điều không tốt cho các cháu. Thấy rằng qua trình bày của chị M và các con chung thì việc để các con chung sống với mẹ sẽ tốt hơn cho các cháu. Vì vậy nên giao cho cả hai con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý. Chị M có quan điểm có khả năng tự mình nuôi hai con không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Với công việc của chị M hiện tại là chủ cửa hàng ăn sáng với thu nhập trung bình 500.000đ/ngày đủ khả năng nuôi dưỡng cả hai con chung nên không buộc anh N phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Hai vợ chồng đều xác nhận không nợ chung ai, tài sản chung vợ chồng tự phân chia không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu quan điểm: Thẩm phán, hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án, về quan điểm giải quyết vụ án đại diện VKS có quan điểm : Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị M là trầm trọng nên đề nghị cho vợ chồng ly hôn. Các con chung đều có yêu cầu được tiếp tục chung sống với mẹ nên giao cả hai con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị M đối với anh Đỗ Tiến N

Giao hai con chung là cháu Đỗ Thị Anh T1, sinh ngày 11/5/2004 và cháu Đỗ Tiến T2 - sinh ngày 02/6/2008 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: chị Lê Thị M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002357, ngày 15/12/2017của chi cục thi hành án dân sự TP H.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- TAND tỉnh QN
- VKSND TP Hạ Long
- Chi cục THA TP Hạ Long
- UBND xã D, huyện L, tỉnh Thái Bình
- Các đ- ơng sự
- L- u hồ sơ, Văn phòng

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Bùi Quang Vinh